

Bản án số: **10/2022/HNGĐ-PT.**

Ngày: 14/4/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà

Ông Đặng Văn Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/03/2022 và ngày 14/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2021/TLPT- HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2021/QĐ-PT ngày 28/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT ngày 17/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 17/02/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 17/03/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Tân, xã trù hựu, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn H - Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H

Chị Lê Thị H L - sinh năm 1978

Trú tại: Tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Hải Đ - Sinh năm 1945 (Vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị T - Sinh năm 1945 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Lê Thị H - sinh năm 1974

Trú tại: Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. (có mặt ngày 17/3/2022, vắng mặt ngày 14/4/2022).

4. Chị Lê Thị H L - sinh năm 1978

Trú tại: Tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

5. Chị Lê Thị P - sinh năm 1980

HKTT: Tổ dân phố Minh Khai 1, TT Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Tổ 7, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt ngày 17/3/2022, vắng mặt ngày 14/4/2022).

6. UBND nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang do ông Mai Văn Dương - Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện LN đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 10/GUQ ngày 19/01/2021) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Phòng công chứng số 2 nay là Phòng công chứng Nguyễn Thị Yến do bà Nguyễn Thị Yến - Đại diện (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà T, chị H, chị P:

Chị Lê Thị H L - sinh năm 1978 (Có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

* **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Lê Văn H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H L, Lê Thị P, chị Lê Thị H, ông Lê Hải Đăng, bà Đỗ Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/5/2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Văn H kết hôn với nhau ngày 08/01/2014, Đ ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hồ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Nay là UBND thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang). Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng trầm trọng từ ngày 12/12/2019 nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bao ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, vì vậy chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn Thanh Tân, xã Trù Hựu, huyện LN, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh H từ tháng 02/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Lê Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/4/2018. Hiện con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

- Về tài sản, vay nợ chung:

Chị và anh Lê Văn H có tài sản chung gồm:

1. Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại: Thôn Minh Khai, xã Nghĩa Hồ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471210 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết về đất. Tài sản trên đất chị không yêu cầu

2. Ngoài ra anh chị còn có thửa đất ở tại đô thị có diện tích 90 m², thuộc lô 49, khu làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang và khoản nợ chung 450.000.000đồng anh chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu của ông Đ, bà T, chị L, chị H, chị P chị không đồng ý chị xác định: Hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD chị xác định việc tặng cho đất giữa ông Đ, bà T, anh H và chị được thực hiện tại phòng công chứng cùng ngày ông bà ký tặng cho vợ cH các chị L, H, P nên ông Đ, bà T, chị L, chị H, chị P đều biết và T nguyện. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD.

Đối với yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H của bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị P; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H của ông Lê Hải Đ, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H L thì chị không đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản T khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo bị đơn anh Lê Văn H trình bày:**

Anh xác định thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Ban đầu tình cảm vợ cH hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ cH phát sinh căng thẳng trầm trọng từ ngày 12/12/2019. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ cH không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ cH có 01 con chung là Lê Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/4/2018. Hiện con chung đang ở với chị H. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung của anh và chị Phạm Thị H gồm:

Về tài sản chung:

1. Thửa đất có diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/11/2015 mang tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H. Nguồn gốc đất do bố mẹ anh tặng cho hai vợ chồng. Trên đất có 01 nhà cấp bốn được xây dựng từ năm 1986, diện tích khoảng hơn 80 m², cùng công trình phụ được xây dựng từ khoảng những năm 1996, 1997 cùng cây lâm lộc như cây nhãn, vải... đều do bố mẹ anh xây dựng và trồng lên từ trước. Do anh và chị H không thỏa thuận được với nhau về tài sản trên nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai còn tài sản trên đất anh không yêu cầu.

2. Thửa đất ở tại đô thị có diện tích 90 m², thuộc lô 49, khu làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, anh chị đã thỏa thuận được nên anh không đề nghị gì

Về yêu cầu độc lập của bố mẹ anh và các chị anh, anh nhất trí với ý kiến của bố mẹ và các chị gái anh.

*** Tại biên bản lấy lời khai, ông Lê Hải Đ và bà Đỗ Thị T trình bày:**

Ông bà là bố, mẹ đẻ của anh Lê Văn H. Anh chị có yêu cầu ly hôn ông bà không có ý kiến gì. Do anh H, chị H có nhu cầu làm ăn kinh doanh, nên có đề xuất với vợ chồng ông bà cho mượn sổ đỏ để vay vốn kinh doanh. Nên cuối năm 2015 anh H có chở ông bà đi ký giấy tờ, còn đến đâu thì ông bà không rõ. Vì tin tưởng con nên ông bà không đọc kỹ nội dung. Đến tháng 10/2018 ông bà có yêu cầu anh H, chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhưng anh chị không trả và trả lời là anh chị đã thế chấp ở Ngân hàng. Đến cuối năm 2019 ông bà mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà đã được sang tên cho anh Lê Văn H và chị Phạm Thị H, ông bà có yêu cầu anh H, chị H sang tên quyền sử dụng đất trả lại cho ông bà nhưng anh chị không nghe. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh Lê Văn H và đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản liên quan đến diện tích đất 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm mang tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H. Ông bà không đồng ý. Vì vậy ông bà yêu cầu:

1. Tuyên vô hiệu hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD ông bà cho rằng do có sự nhầm lẫn;

2. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 sổ vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H, buộc anh H, chị H trả lại giấy chứng nhận mang tên hộ ông Lê Hải Đ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H L, chị Lê Thị H, chị Lê Thị P thống nhất trình bày:**

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (năm 2000) được cấp tên hộ ông Lê Hải Đ nên khi đó Hộ gia đình ông Đ gồm có ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T, các chị Lê Thị H, Lê Thị H L, Lê Thị P và Lê Văn H, đến tháng năm 2015 được cấp đổi lại tên hộ ông Lê Hải Đ, do vậy các chị L, H, P vẫn có quyền lợi. Nhưng tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H thì không có sự đồng ý của các chị. Do vậy các chị đề nghị Tòa án tuyên

vô hiệu hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD do có sự nhầm lẫn; Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H, buộc anh H, chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Hải Đ

* Tại văn bản nêu ý kiến ngày 03 tháng 02 năm 2021 UBND huyện LN do ông Mai Văn Dương - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường trình bày:

Anh Lê Văn H, cùng vợ là chị Phạm Thị H được bố, mẹ anh H là ông Lê Hải Đ và bà Đỗ Thị T tặng cho thửa đất có diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm. Thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 154, tờ bản đồ số 10 thuộc thôn Minh Khai, xã Nghĩa Hồ (nay là TDP Minh Khai 1, thị trấn Chũ) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hải Đ ngày 24/7/2015. Việc tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên được lập thành hợp đồng, có chữ ký của bên tặng cho, bên nhận tặng cho và được công chứng viên phòng Công chứng số 2 - Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang chứng thực ngày 11/9/2015.

Việc tiếp nhận hồ sơ, thụ lý giải quyết của các cơ quan chức năng cũng như việc ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) cho ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H đúng trình T, qui định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông Đ, bà T, chị H, chị P và chị L đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH 000854, số Seri CC 471219 do UBND huyện LN đã cấp cho ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H là không có cơ sở.

* Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Yến do bà Nguyễn Thị Yến - Công chứng viên trình bày:

Ngày 11/9/2015 theo yêu cầu của hộ gia đình ông Lê Hải Đ gồm các thành viên: Ông Lê Hải Đ, Bà Đỗ Thị T, anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H. Phòng công chứng số 2, tỉnh Bắc Giang đã công chứng đồng thời 04 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho :

1. Chị Lê Thị H và anh Tống Văn Quy
2. Chị Lê Thị H L và anh Đào Văn Hân
3. Chị Lê Thị P và anh Phạm Minh Họa
4. Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị H

Việc làm thủ tục tặng cho các con của ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T là đúng quy định.

Việc Ông Đ, bà T, chị L, chị H, chị P cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất cho anh H và chị H không có sự đồng thuận của ông Đ, bà T và 03 cô con gái L, H, P là không có căn cứ.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Điều 192; Điểm c, e, g khoản 1

Điều 217; khoản 3 Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 34; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 132; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. C, c ③ Điều 3; 6; 26; 27; Điểm d Điều 12; Điều 14; Điều 15, Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm thị H.

1. Về quan hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/4/2018 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn H. Sau khi ly hôn anh Lê Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận tài sản chung của chị H, anh H là thửa đất số 261, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại: Thôn Minh Khai, xã Nghĩa Hòa, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471210 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị H diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm, có tổng giá trị là 2.484.640.000 đồng

*Giao cho anh H được quản lý, sử dụng thửa đất trên có tổng giá trị là: 2.484.640.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Anh Lê Văn H phải trích chia tài sản cho chị H 35% giá trị thửa đất trên là 869.624.000đồng

Anh Lê Văn H được hưởng 65% giá trị tài sản là 1.615.016.000đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H Đối với thửa đất ở tại đô thị có diện tích 90 m², thuộc lô 49, khu làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2019 tên chị Nguyễn Thị Hường.

5. Đình chỉ yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T và anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H của ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị H L, chị Lê Thị H, chị Lê Thị P.

6. Đình chỉ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H của bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị P.

7. Không chấp nhận yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H của ông Lê Hải Đ, chị Lê Thị H và chị Lê Thị H L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/8/2021 bà Đỗ Thị T, ông Lê Hải Đ chị Lê Thị H, Lê Thị H L, Lê Thị P nộp đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đề nghị cấp phúc thẩm không công nhận Hợp đồng công chứng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD và đề nghị UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ cH anh H chị H.

Ngày 24/8/2021 anh H nộp đơn kháng cáo không đồng ý phân chia tài sản như cấp sơ thẩm đã tuyên

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không T thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H L là đại diện theo ủy quyền của anh H, bà Đỗ Thị T, ông Lê Hải Đ, chị Lê Thị H và chị Lê Thị P trình bày: Về tài sản cấp sơ thẩm xác định đã cho vợ cH anh H chị H là không đúng. Do vợ cH chị H anh H cần vốn làm ăn nên có nói với ông bà là mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền nhưng do ông bà làm thủ tục tách đất cho các chị nên anh H cũng đề nghị Văn phòng công chứng làm luôn cho vợ cH anh H. Thực chất tại thời điểm ký ông bà chưa cho vợ cH. Hiện tại nhà trên đất ông bà mới làm năm 2020, hoàn thành năm 2021. Việc cấp sơ thẩm giao cho anh H nhà đất đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

Chị Phạm Thị H trình bày: Đất ông bà đã cho vợ cH chứng minh bằng việc tại thời điểm công chứng ông bà không cho một mình vợ cH chị mà cho cả các chị gái của anh H, Như vậy là đã có sự thỏa thuận phân chia tại thời điểm công chứng tặng cho. Tại phiên tòa chị xác định mặc dù trong hợp đồng công chứng không thể hiện là hợp đồng có điều kiện nhưng chị xác định do vợ cH chị ly hôn, chị không chăm sóc được ông bà và ông bà không còn chỗ ở nào khác nên chị đồng ý chia cho mỗi ông bà 15% giá trị tài sản (cả ông, bà khoảng 30%) giá trị tài sản, chia cho chị chị 35% và anh H 35%. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa do chị L trình bày hiện tại các anh chị và ông bà có làm nhà trên đất năm 2020 hoàn thành vào sử dụng năm 2021 nhưng cấp sơ thẩm giao cho anh H có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ bà T, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định, định giá lại tài sản trên đất theo yêu cầu của đương sự.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 17/3/2022 để tiến hành thẩm định, định giá tài sản theo yêu cầu của đương sự.

Ngày 13/4/2022 Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30/7/2021 của TAND huyện LN, tỉnh Bắc Giang: Xử:

Về tài sản chung:

Xác định Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số: 1420; Quyền số: 01/2015 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2015 giữa hộ ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T với anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H có hiệu lực 1 phần. Xác định thửa đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H là tài sản chung của hộ gia đình gồm: Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H L và chị Lê Thị P, anh Lê Văn H

(phần ông Đ, bà T, anh H ký tặng cho anh H, chị H có hiệu lực)

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T đề nghị tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số: 1420; Quyền số: 01/2015 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2015 giữa hộ ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T với anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H.

Chấp nhận 1 phần yêu cầu của chị Lê Thị H và chị Lê Thị H L, Lê Thị P đề nghị tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số: 1420; Quyền số: 01/2015 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2015 giữa hộ ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T với anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H.

Xác định $\frac{1}{2}$ tài sản 1.242.320.000đồng là của các chị H, P, L. $\frac{1}{2}$ là 1.242.320.000đồng là tài sản chung của vợ chồng anh H chị H để phân. Do nguồn gốc tài sản là của bố mẹ anh H và chia cho anh H được nhiều hơn, anh H được chia 65% là 807.508.000đồng, chị H được chia 35% là 434.812.000đồng.

- Về án phí: Được tính lại do sửa án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân, con chung, không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hải Đ và bà Đỗ Thị T HĐXX thấy:

Ông Đ bà T cho rằng nhà đất tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 01, địa chỉ tại: Thôn Minh Khai, xã Nghĩa Hồ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471210 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên ông Lê Văn H, vợ là Phạm Thị

H diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm là của ông bà. Ông bà chỉ làm thủ tục cho vợ chồng 3 người con gái mà chưa cho vợ chồng anh H chị H. Ông bà đề nghị xác định thửa đất mang tên anh H chị H là của ông bà. Yêu cầu kháng cáo của ông bà đề nghị xem xét lại toàn bộ thửa đất nêu trên

Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất nêu trên có nguồn gốc là của hộ gia đình ông Lê Hải Đ được nhà nước cấp giấy chứng nhận năm 2000. Tại thời điểm cấp đất hộ gia đình của ông Đ gồm có: Ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị H và chị Lê Thị H L và chị Lê Thị P.

Năm 2015 ông bà làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên hộ gia đình ông Lê Hải Đ, mặc dù các chị P, H L tại thời điểm năm 2015 đã chuyển khẩu đi nơi khác nhưng thửa đất cấp năm 2000 vẫn nguyên hiện trạng và chỉ cấp đổi sang giấy mới năm và cấp thêm 430m² đất trồng cây lâu năm, diện tích 430m² này các đương sự và UBND huyện đều thừa nhận khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu chỉ đo đạc bằng tay, khi cấp lại lần 2 đã được đo đạc bằng máy, gia đình ông sử dụng ổn định nên đã được Nhà nước công nhận.

Do vậy xác định diện tích đất 2.086.6m² trong đó có 400m² đất ở (đã cho các chị H, P, L 150m²) còn lại 250m² đất ở và 1406,6m² đất vườn và 430m² đất trồng cây lâu năm là của gia đình gồm: Ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T, chị Lê Thị H, chị Lê Thị H L, chị Lê Thị P, anh Lê Văn H

Ngày 11/9/2015 ông Đ bà T đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số: 1420; Quyền số: 01/2015 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2015 giữa hộ ông Lê Hải Đ, bà Đỗ Thị T với anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H. Cùng ngày ông Đ bà T đều làm thủ tục tặng cho đối với các chị con gái và con rể của ông bà gồm: Chị Lê Thị H và anh Tống Văn Quy. Chị Lê Thị H L và anh Đào Văn Hân. Chị Lê Thị P và anh Phạm Minh Họa. Quá trình xét xử sơ thẩm các anh chị và ông, bà đều cho rằng không biết việc ông bà làm thủ tục tặng cho anh H, chị H và không được ký tặng cho. Tuy nhiên, dù các chị L, H, P không ký thủ tục tặng cho anh H chị H nhưng thực tế các chị L, H, P đều không ký vào các Hợp đồng tặng cho của nhau. Việc các chị trình bày không biết là không có căn cứ. Cần xác định tại thời điểm ông bà và các anh chị ký các Hợp đồng tặng cho là sự T nguyện thỏa thuận phân chia. Do vậy yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà T và anh H, chị H do có sự nhầm lẫn không được chấp nhận

Tại phiên tòa chị H cũng thừa nhận quá trình chị về chung sống tại nhà chồng, do vợ chồng chị sinh con có khăn nên vợ chồng chị phải chờ sinh con thụ tinh trong ống nghiệm. Quá trình chị mang thai cũng như khi chị sinh con, chị sống phần nhiều ở nhà bố mẹ đẻ, chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung

của nhà cH. Do ông Đ bà T cho vợ cH chị tài sản nên chị đề nghị chia cho chị. Nay vợ cH ly hôn chị không có điều kiện chăm sóc ông bà nên chị nhất trí chia cho ông Đ bà T 1 phần tài sản trong khối tài sản của ông bà cho vợ cH chị khoảng 30% tổng tài sản ông bà cho anh chị, chia cho anh H 35% và chị 35%. Tài sản trên đất chị không có công sức đóng góp gì.

Chị L là đại diện theo ủy quyền của anh H và ông Đ bà T cũng xác nhận việc chị H trình bày về quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng, về tài sản chị đề nghị trả lại đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông bà để ông bà có nơi ở ổn định. Hộ khẩu của ông bà từ trước đến nay vẫn ở địa chỉ trên và hiện tại ông bà vẫn đang ở trên nhà đất này. Ngoài chỗ ở trên ông bà không còn chỗ ở nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án ông, bà và các anh, chị cũng như chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản trên đất, tuy nhiên thực tế ông bà và các anh, chị là con đẻ của ông bà đã xây mới nhà trên đất cho ông bà năm 2020. Kết quả thẩm định, định giá tài sản xác định như sau:

Đất ở diện tích đất 2.086,6m² trong đó có 400m² đất ở (đã cho các chị H, P, L 150m²) còn lại 250m² đất ở và 1406,6m² đất vườn và 430m² đất trồng cây lâu năm các đương sự giữ nguyên kết quả định giá ngày 10/9/2020 nên Hội đồng định giá không định giá về đất.

Tài sản trên đất gồm: Nhà gắn liền trên đất là nhà cấp 3 loại 3 diện tích 105,4m² trị giá 410.000.000đồng. các tài sản khác đương sự không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu định giá.

Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc đất là của ông Đ bà T mua và ở từ năm 1972, việc ông Đ bà T tặng cho tài sản cho anh H chị H, trong Hợp đồng không thể hiện là Hợp đồng tặng cho có điều kiện nhưng bản chất của việc tặng cho này là cho vợ cH anh H, chị H 250m² đất ở, 1406,6m² đất vườn và 430m² đất trồng cây lâu năm nhưng anh chị phải phụng dưỡng ông bà bởi lẽ, thực tế ông bà vẫn đang ở trên đất này và tài sản là nhà trên đất là của ông bà mới xây năm 2020 khi anh H chị H đã ly thân. Khi làm thủ tục tặng cho tài sản ông bà chỉ cho đất mà không cho nhà trên đất. Nay anh chị ly hôn Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia hết tài sản cho anh, chị. Như vậy, ông bà không còn tài sản gì và ngoài chỗ ở trên thì ông Đ bà T không còn chỗ ở nào khác. Tại phiên tòa chị H cũng đồng ý chia tài sản cho ông bà do ông bà không còn chỗ ở nào khác. Hội đồng xét xử thấy: Để ổn định cuộc sống cho ông bà và áp dụng nguyên tắc xét xử theo lẽ công bằng theo quy định tại điều 6 Bộ luật dân sự. Cần chia công sức cho ông Đ 45% tiền giá trị đất = 1.118.088.000đồng. Tài sản còn lại 55% = 1.366.552.000đồng, do nguồn gốc đất là của bố mẹ anh H nên cần chia cho anh H nhiều hơn 65% = 888.259.000đồng. Chị H được hưởng 35% = 478.293.000đồng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho ông bà và anh H, chị H.

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang mang tên anh H chị H nên cần giao toàn bộ đất và tài sản gắn liền cho anh H và buộc anh H phải trích trả số tiền đất như trên cho ông Đ bà T và chị H. Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền

với ông Đ, bà T, chị H. Anh H được Đ ký lại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định

Về tài sản trên đất: Theo kết quả thẩm định, định giá xác định: Thửa đất có tài sản trên đất được xây dựng năm 2020 là của ông Đ bà T tuy nhiên tại phiên tòa chị L xác định tài sản trên đất giao cho anh H. Ông bà và anh H sẽ T thỏa thuận, nếu có yêu cầu ông bà sẽ khởi kiện yêu cầu anh H phải trả tiền tài sản trên đất cho ông bà bằng vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử giao tài sản trên đất cho anh H

Xét yêu cầu kháng cáo của các chị H, P, L đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tòa sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471219 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 tên anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H của ông Lê Hải Đ, chị Lê Thị H và chị Lê Thị H L. Hội đồng xét xử thấy: Tòa án nhân dân cấp huyện không có thẩm quyền xem xét giải quyết đối với Quyết định cá biệt. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm cần giải thích cho các đương sự hiểu về thẩm quyền của Tòa án. Trường hợp đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu thì Tòa án nhân dân cấp huyện phải nhận định rõ trong bản án mà không thụ lý, không giải quyết yêu cầu trên. Trong vụ án này. Tòa án nhân dân huyện LN đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định cá biệt. HĐXX thấy quyết định này đã giải quyết quá thẩm quyền tuy nhiên, không ảnh hưởng gì đến kết quả giải quyết vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm không giải quyết, quyết định về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ, bà T và các chị H, L, P. Ông Đ, bà T và các chị H, L, P có quyền khởi kiện vụ án hành chính nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Đối với yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện nên các khoản tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và tạm ứng án phí kháng cáo của các chị P, H, L do sửa án sơ thẩm được trả lại cho các chị H, L, P. Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng số 1420, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà T với anh H, chị H không được chấp nhận nên mỗi chị phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Lê Thị H L 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001751 ngày 21/12/2020 và 300.000đồng tại biên lai thu số 0010336 ngày 13/8/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Trả lại chị Lê Thị H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001749 ngày 21/12/2020 và 300.000đồng tại biên lai thu số 0010337 ngày 13/8/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Trả lại chị Lê Thị P 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001750 ngày 21/12/2020 và 300.000đồng tại biên lai thu số 0010338

ngày 13/8/2012 (do chị L nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Do xem xét lại yêu cầu của đương sự nên án phí được tính lại theo quy định tại khoản 4 Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; khoản 2, Điều 29 -Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án lại cụ thể:

Anh Lê Văn H, Chị Phạm Thị H phải chịu án phí chia tài sản trên số tiền được nhận. Ông Đ bà T Miễn là người cao tuổi nên miễn án phí cho ông bà.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những nội dung trên, HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6; Khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 5 Điều 27; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang

1. Về tài sản:

Giao cho anh Lê Văn H được quản lý, sử dụng đất và tài sản là nhà cấp 3 loại 3 diện tích 105,4m² gắn liền trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 01, diện tích 2086,6 m², trong đó 250 m² đất ở, 1406,6 m² đất vườn, 430 m² đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ tại: Thôn Minh Khai, xã Nghĩa Hòa, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Minh Khai 1, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC471210 số vào sổ cấp GCN CH000854 được UBND huyện LN cấp ngày 20/11/2015 mang tên ông Lê Văn H bà Phạm Thị H. Đất có giá trị là 2.484.640.000đồng (Hai tỷ, bốn trăm, tám mươi tư triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn đồng chẵn) (có sơ đồ kèm theo).

Anh H phải trích chia công sức cho ông Đ bà T: 1.118.088.000đồng.

Anh H phải trích chia tài sản cho chị H: 478.293.000đồng

Anh H được hưởng 888.259.000đồng.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền với ông Đ, bà T, chị H. Anh H được Đ ký lại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân

sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Anh Lê Văn H phải chịu 38.647.700 đồng án phí chia tài sản

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 23.131.700 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị H đã nộp 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001256 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí. Trả lại chị H số tiền nộp thừa 6.868.300 đồng

Miễn án phí cho ông Đ, bà T

Trả lại chị Lê Thị H L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001751 ngày 21/12/2020 và 300.000 đồng tại biên lai thu số 0010336 ngày 13/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Trả lại chị Lê Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001749 ngày 21/12/2020 và 300.000 đồng tại biên lai thu số 0010337 ngày 13/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Trả lại chị Lê Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001750 ngày 21/12/2020 và 300.000 đồng tại biên lai thu số 0010338 ngày 13/8/2021 (do chị L nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H Thị Hải Hương

